

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HSST
Ngày 04/7/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Y Dim.

2. Ông Vũ Văn Linh.

-Thư ký phiên Toà: Ông Vũ Đức Huynh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên Toà: Bà Võ Thị Cẩm Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:19/2018/HSST, ngày 21/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

A T; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1992; Tại tỉnh T. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay : Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 1/12; dân tộc: Rơ ngao; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông A X, sinh năm 1958 và bà Y W, sinh năm 1961; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: 03 tiền án. Ngày 12/3/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum xử phạt 16 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 06/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 14/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; nhân thân: xấu; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2018 đến nay đưa ra xét xử, có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1959. Địa chỉ: Xóm 11, Đội 3 xã Hùng T, huyện Kim S, tỉnh N. Tạm trú tại: Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

-*Những người làm chứng:*

1. Cháu Y H1, sinh ngày 22/7/2006. Địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho cháu Y H1 là chị Y H2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh T (mẹ đẻ). Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Cháu Y N, sinh ngày 20/01/2004. Địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người giám hộ cho cháu Y N là chị Y D, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh T (mẹ đẻ). Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Cháu Y M, sinh ngày 18/8/2006. Địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho cháu Y M là anh A N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh T (bố đẻ). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 07/01/2018, chị Hoàng Thị Th (*trú tại Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh T*) do bận việc đi đám cưới nên chị Th đưa cho bà Trần Thị H mẹ của chị Th số tiền 220.000đ (*Hai trăm hai mươi ngàn đồng*) gồm các tờ tiền có mệnh giá 10.000đ và 20.000đ được cột thành một tập bằng dây thun để bà H thối tiền (trả tiền) cho khách đến mua hàng. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, A T có đến quán tạp hóa của chị Th mua hai gói cà phê hòa tan A T với số tiền 5.000đ (*Năm ngàn đồng*). Khi A T đưa tiền mua hàng, bà H cất tiền của A T vào hộp gỗ, khi đó A T để ý nhìn thấy trong hộp gỗ có cọc tiền. Vừa lúc này có khách đến mua xăng, bà H ra bán xăng cho khách, lợi dụng bà H đi ra bán xăng A T đi đến hộp gỗ lấy cọc tiền 220.000đ (*Hai trăm hai mươi ngàn đồng*) rồi rời khỏi quán. Sau khi phát hiện bị mất tiền bà H báo cho chị Th biết, cùng ngày chị Th đã làm đơn trình báo sự việc lên Công an xã M, huyện H, tỉnh T để được giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, A T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm tiền tại quán tạp hóa của chị Hoàng Thị Th vào ngày 07/01/2018.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ số tiền 220.000 đồng tiền Việt Nam.

Quá trình điều tra đã xác định số tiền trên là của chị Hoàng Thị Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền nêu trên cho chị Th quản lý, sử dụng theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Hoàng Thị Th đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo A T tại Bản cáo trạng số: 14/CT-VKSĐH-HS, ngày 18/5/2018 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến giữ nguyên cáo trạng truy tố và trình bày lời luận tội, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo A T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo A T từ 06 đến 09 tháng tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/3/2018).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Hoàng Thị Th đã nhận lại số tiền 220.000 đồng (*Hai trăm hai mươi ngàn đồng*) và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 220.000 đồng (*Hai trăm hai mươi ngàn đồng*) cho chị Th là phù hợp.

Bị hại chị Hoàng Thị Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và không có bổ sung lời khai, không có yêu cầu gì và giữ nguyên lời khai ở tại cơ quan Điều tra.

Tại phiên tòa, bị cáo A T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo A T không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Hà và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị cáo bị truy tố:

A T là người đang có ba tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Sau khi chấp hành xong bản án và trở về địa phương sinh sống, vào khoảng 11 giờ trưa ngày 07/01/2018, A T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại quán tạp hóa của chị Hoàng Thị Th, giá trị tài sản trộm cắp là 220.000 đồng (*Hai trăm hai mươi ngàn đồng*). Do bị cáo đang có án tích về tội trộm cắp tài sản, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà đề nghị truy tố, xét xử bị cáo A T theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo A T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đến khách thể quan trọng được pháp luật công nhận và bảo vệ, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, đưa bị cáo ra xét xử và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là hoàn toàn đúng pháp luật để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, biết tuân thủ pháp luật và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

-Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội, bị cáo đã đầu thú, nên bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

-Về nhân thân bị cáo: Bị cáo A T có nhân thân xấu, bị cáo có ba tiền án đều về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, thể hiện bị cáo đã được cơ quan pháp luật giáo dục cải tạo nhiều lần, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân, làm ăn lương thiện. Để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản của người khác thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật, nên phải xử lý bị cáo nghiêm khắc.

[5]. Về quyết định hình phạt: Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn, đã thu hồi trả cho bị hại nhưng bị cáo có 01 tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn, để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có khả năng kinh tế, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Số tiền 220.000 đồng (*Hai trăm hai mươi ngàn đồng*) là tài sản hợp pháp của chị Hoàng Thị Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà đã trả lại cho chị Th là đúng quy định pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[11] Xét ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phân tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt, trách nhiệm dân sự là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo A T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt: Bị cáo A T 09 (*Chín*) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/3/2018).

3. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo A T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04 tháng 7 năm 2018) lên Tòa án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CA huyện;
- Chi cục THA huyện;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh

